

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ
HÙNG VIỆT**

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 – 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 23

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
L9-12A, Tầng 9, tòa nhà Vincom Center, 45A Lý Tự Trọng
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt (gọi tắt là "Công ty") hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015.

1. Thông tin chung

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10 người).

Hoạt động chính

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Trọng	Chủ tịch
Ông Võ Trọng Thủy	Thành viên
Ông Mai Hữu Tín	Thành viên (miễn nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015)
Ông Võ Đình Ngọc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 12 tháng 8 năm 2015)
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên

Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Trần Văn Trọng	Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Kim Hoàng	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Duy Nhứt	Trưởng ban
Ông Doãn Văn Nho	Thành viên
Ông Trần Hoài Nam	Thành viên

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: L9-12A, Tầng 9, Tòa nhà Vincom Center, 45A Lý Tự Trọng Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Đến ngày lập báo cáo này, Tổng Giám đốc Công ty cho rằng không có sự kiện nào có thể làm cho các số liệu và thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty bị phản ánh sai lệch.

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty.

7. Công bố trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Tổng Giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

8. Phê duyệt báo cáo tài chính

Theo ý kiến của Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 03 năm 2016

Số: 56 /2016/BCKT/PKF-VPC

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2016

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát
Công ty Cổ phần Quản lý Quý Hùng Việt

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quý Hùng Việt (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 02 năm 2016, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



NGUYỄN HỒNG QUANG

Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0576-2015-242-1

NGUYỄN TRUNG THÀNH

Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1673-2015-242-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MẪU SỐ B01-CTQ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

TÀI SẢN	Mã	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		22.259.622.351	27.881.781.939
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	9.255.706.351	13.488.005.881
1. Tiền	111		315.706.351	13.488.005.881
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.940.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	11.656.916.000	9.504.896.058
1. Đầu tư ngắn hạn	121		12.984.783.145	9.963.270.483
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1.327.867.145)	(458.374.425)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.347.000.000	688.880.000
1. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	6	1.347.000.000	688.880.000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	4.200.000.000
1. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	4.200.000.000
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.845.679.238	3.063.396.760
I. Tài sản cố định	220		484.649.263	601.428.701
1. Tài sản cố định hữu hình	221		484.649.263	601.428.701
- Nguyên giá	222		1.259.250.600	1.259.250.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(774.601.337)	(657.821.899)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		93.315.600	93.315.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(93.315.600)	(93.315.600)
II. Các khoản đầu tư CK dài hạn và đầu tư dài hạn	250		2.177.225.000	2.177.225.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258	8	2.177.225.000	2.177.225.000
III. Tài sản dài hạn khác	260	9	183.804.975	284.743.059
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		16.823.025	117.761.109
2. Tài sản dài hạn khác	268		166.981.950	166.981.950
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		25.105.301.589	30.945.178.699

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

MÃ SỐ B01-CTQ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		77.637.550	5.146.342.413
I. Nợ ngắn hạn	310		77.637.550	130.138.707
1. Phải trả thương mại	312		-	63.200.000
2. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà Nước	314	10	18.592.050	30.060.307
3. Chi phí phải trả	316		24.200.000	19.800.000
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		34.845.500	17.078.400
II. Nợ dài hạn	330		-	5.016.203.706
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338	11	-	5.016.203.706
B - NGUỒN VỐN (400=410)	400		25.027.664.039	25.798.836.286
I. Vốn chủ sở hữu	410	12	25.027.664.039	25.798.836.286
1. Nguồn vốn đầu tư chủ sở hữu	411		25.000.000.000	25.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	420		27.664.039	798.836.286
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		25.105.301.589	30.945.178.699

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số		31/12/2015 VND	1/1/2015 VND
1. Chứng khoán lưu ký của Công ty quản lý quỹ	006		12.984.783.145	9.963.270.483
Trong đó:				
1.1. Chứng khoán giao dịch	007		12.618.783.145	8.111.620.483
1.2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	008		-	360.000.000
1.3. Chứng khoán chờ thanh toán	011		366.000.000	1.491.650.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của Công ty quản lý quỹ	020		2.177.225.000	2.177.225.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030		3.015.717	3.006.303
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	13	3.015.717	3.006.303
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040		1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	14	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000


Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu

Ngày 26 tháng 02 năm 2016


Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ


Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

MẪU SỐ B02-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
1. Doanh thu dịch vụ	01	15	5.016.203.706	4.376.964.431
2. Doanh thu thuần về dịch vụ	10		5.016.203.706	4.376.964.431
3. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	-	1.177.959.307
4. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	20		5.016.203.706	3.199.005.124
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	2.657.811.816	3.289.890.232
6. Chi phí tài chính	22	18	4.316.763.026	2.018.617.327
7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	19	3.347.952.686	3.577.461.115
8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		9.299.810	892.816.914
9. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		9.299.810	892.816.914
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	1.267.567	113.612.424
11. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.032.243	779.204.490
12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21		312

Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

MẪU SỐ B03-CTQ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chi tiêu	Mã số	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
I - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Thu tiền từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	-	9.623.340.481
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	-	(1.104.596.700)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(1.512.318.300)	(1.521.158.900)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	-	-
5. Tiền chi nộp thuế TNDN	05	(12.313.724)	(539.461.491)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	36.143.855.882	67.116.384.144
7. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	07	(39.923.798.898)	(76.986.520.707)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(5.304.575.040)	(3.412.013.173)
II - LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	-	(683.956.600)
2. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.851.480.000	460.352.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.851.480.000	(223.604.100)
III - LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(779.204.490)	(1.875.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(779.204.490)	(1.875.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(4.232.299.530)	(5.510.617.273)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	13.488.005.881	18.998.623.154
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	9.255.706.351	13.488.005.881

Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

MẪU SỐ B05-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Nội dung	Vốn điều lệ VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư 1/1/2014	25.000.000.000	1.894.631.796	26.894.631.796
Tăng trong năm	-	779.204.490	779.204.490
Giảm trong năm	-	(1.875.000.000)	(1.875.000.000)
Số dư 31/12/2014	25.000.000.000	798.836.286	25.798.836.286
Số dư 1/1/2015	25.000.000.000	798.836.286	25.798.836.286
Tăng trong năm	-	8.032.243	8.032.243
Giảm trong năm	-	(779.204.490)	(779.204.490)
Số dư 31/12/2015	25.000.000.000	27.664.039	25.027.664.039

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/NQ-HĐQT.2015 ngày 07 tháng 01 năm 2015, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 779.204.490 đồng. Tại ngày phát hành báo cáo này, các quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ và quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ chưa được xem xét và trích lập vào thời điểm cuối năm 2015.

Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2016

Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Hùng Việt (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 33/UBCK-GP ngày 6 tháng 5 năm 2008 và Giấy phép điều chỉnh số 01/GPĐC-UBCK ngày 16 tháng 01 năm 2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam ("UBCKNN") về việc bổ sung nghiệp vụ kinh doanh: Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 9 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 10 người).

Hoạt động chính

- Lập và quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
- Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện dựa trên đánh giá của Tổng Giám đốc về suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	Số năm
Máy móc, thiết bị	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí mua các dụng cụ, thiết bị văn phòng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá vốn. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty không ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn và phải thu hoạt động nghiệp vụ.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và phải trả người bán.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Tiền mặt tại quỹ	10.342.684	7.898.200
Tiền gửi ngân hàng	305.363.667	13.480.107.681
Tương đương tiền	8.940.000.000	-
	9.255.706.351	13.488.005.881

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư VND
Chứng khoán vốn niêm yết	805.860	12.984.783.145	408.000	9.603.270.483
Công ty CP XNK An Giang (AGM)	135.000	1.174.500.000	-	-
Ngân Hàng TMCP Quân Đội (MBB)	82.660	1.236.545.174	30.000	384.000.000
Công ty CP Phân Bón Dầu Khí Cà Mau (DCM)	140.000	1.798.500.000	-	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam (GAS)	30.000	1.454.375.000	-	-
Công ty CP Phát Triển Đô Thị Kinh Bắc (KBC)	150.000	1.976.854.971	80.000	1.209.082.579
Công ty CP Phát Triển Đầu Tư Công Nghệ FPT (FPT)	30.000	1.449.000.000	-	-
Công ty CP Cao Su Thống Nhất (TNC)	85.000	962.428.000	60.000	691.750.000
Công ty CP Than Đèo Nai (TDN)	43.200	324.080.000	-	-
Tổng Cty CP Dịch Vụ Kỹ Thuật Dầu Khí Việt Nam (PVS)	110.000	2.608.500.000	-	-
Công ty CP Đầu Tư Hạ Tầng Kỹ Thuật (CII)	-	-	40.000	820.205.962
Công ty CP CNG Việt Nam (CNG)	-	-	15.000	553.500.000
Công ty CP Hoàng Anh Gia Lai (HAG)	-	-	55.000	1.258.668.463
Công ty CP Chứng Khoán Tp.HCM (HCM)	-	-	15.000	512.500.000
Công ty CP Kinh Đô (KDC)	-	-	70.000	3.788.000.000
Công ty CP Khoáng Sản Bình Thuận (KSA)	-	-	43.000	385.563.479
Chứng khoán vốn chưa niêm yết	-	-	100.000	360.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam	-	-	100.000	360.000.000
	805.860	12.984.783.145	508.000	9.963.270.483
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư		(1.327.867.145)		(458.374.425)
Chứng khoán niêm yết		(1.327.867.145)		(458.374.425)
Đầu tư ngắn hạn ròng		11.656.916.000		9.504.896.058

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU HOẠT ĐỘNG NGHIỆP VỤ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Phải thu bán chứng khoán (*)	1.347.000.000	688.880.000
	<u>1.347.000.000</u>	<u>688.880.000</u>

(*) Đây là các khoản phải thu từ việc bán chứng khoán được thanh toán sau 3 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch (T+3) theo thông lệ kinh doanh chứng khoán hiện hành tại Việt Nam.

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2015	66.770.000	1.192.480.600	1.259.250.600
Mua mới	-	-	-
Tại ngày 31/12/2015	<u>66.770.000</u>	<u>1.192.480.600</u>	<u>1.259.250.600</u>
KHẤU HAO LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2015	63.983.326	593.838.573	657.821.899
Khấu hao trong năm	2.786.674	113.992.764	116.779.438
Tại ngày 31/12/2015	<u>66.770.000</u>	<u>707.831.337</u>	<u>774.601.337</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2015	<u>2.786.674</u>	<u>598.642.027</u>	<u>601.428.701</u>
Tại ngày 31/12/2015	<u>-</u>	<u>484.649.263</u>	<u>484.649.263</u>

Tài sản cố định hữu hình của Công ty bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn đang sử dụng với nguyên giá là 575.294.000 đồng (năm 2014: 508.524.000 đồng).

8. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác là khoản đầu tư vào 103.089 cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa (CPHACo), có mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu. Khoản đầu tư này chiếm 0,60% tổng cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cổ phiếu này chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán.

Công ty không trích lập dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư dài hạn này là do Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa đang hoạt động có lợi nhuận và Công ty không thu thập được giá thị trường của cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Chánh Phú Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

9. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Chi phí chuyển văn phòng	16.823.025	117.761.109
Đặt cọc thuê văn phòng	153.781.950	153.781.950
Chi phí trả trước dài hạn khác	13.200.000	13.200.000
	<u>183.804.975</u>	<u>284.743.059</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	11.046.157
Thuế thu nhập cá nhân	18.592.050	19.014.150
	18.592.050	30.060.307

11. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Đây là khoản doanh thu liên quan đến phí quản lý danh mục đầu tư của 03 (ba) hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty và ba khách hàng cá nhân gồm: Bà Đinh Thị Lê Sa (330 tỷ đồng), Bà Trịnh Thị Kiều Tiên (440 tỷ đồng) và Ông Võ Bá Huy (330 tỷ đồng) được ký kết vào ngày 24 tháng 9 năm 2014. Thời hạn ủy thác theo Hợp đồng này là 03 (ba) năm kể từ ngày Công ty nhận khoản Vốn Ủy thác đầu tiên căn cứ trên thông báo của Ngân hàng Lưu ký. Phí Quản lý danh mục đầu tư ("Phí Quản lý") được tính là 0,5% (không phải năm phần trăm) của Vốn Ủy thác. Trong năm 2015, doanh thu thực hiện từ phí quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tiến độ công việc thực hiện thay vì ghi nhận theo thời gian ủy thác theo Hợp đồng ủy thác danh mục đầu tư như năm 2014.

12. VỐN ĐIỀU LỆ

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Được phép phát hành và đã góp đủ vốn		
Số lượng (cổ phần)	2.500.000	2.500.000
Mệnh giá (đồng/cổ phần)	10.000	10.000
Giá trị (đồng)	25.000.000.000	25.000.000.000

Chi tiết thành phần cổ đông của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 và ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

	Được duyệt		Vốn đã góp	
	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền
Ông Trần Văn Trọng	39,72%	9.930.000.000	39,72%	9.930.000.000
Ông Võ Trọng Thủy	26,64%	6.660.000.000	26,64%	6.660.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng	23,64%	5.910.000.000	23,64%	5.910.000.000
Ông Mai Hữu Tín/Võ Đình Ngọc (*)	10,00%	2.500.000.000	10,00%	2.500.000.000
	100,00%	25.000.000.000	100,00%	25.000.000.000

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, tổng vốn pháp định đã góp của Công ty không có sự thay đổi mà chỉ có sự thay đổi về thành phần cổ đông. Tại ngày 12 tháng 8 năm 2015, ông Mai Hữu Tín đã chuyển nhượng 10% tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty cho ông Võ Đình Ngọc. Sự thay đổi này đã được thông báo và cập nhật trên cổng thông tin điện tử của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. TIỀN GỬI CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Số dư đầu năm	3.006.303	-
Tăng trong năm	9.414	3.006.303
Số dư cuối năm	<u>3.015.717</u>	<u>3.006.303</u>

14. DANH MỤC ĐẦU TƯ CỦA NHÀ ĐẦU TƯ ỦY THÁC TRONG NƯỚC	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Cổ phiếu không niêm yết		
HAGL: Công ty CP xây dựng và phát triển nhà Hoàng Anh Gia Lai (*)	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000
	<u>1.100.000.000.000</u>	<u>1.100.000.000.000</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty không thực hiện xác định giá trị hợp lý của cổ phiếu không niêm yết này để thực hiện công bố thông tin theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 do cổ phiếu này không có giao dịch trên thị trường nên cũng không có báo giá từ các công ty chứng khoán trên thị trường.

15. DOANH THU	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu hoạt động quản lý đầu tư chứng khoán (*)	5.016.203.706	2.750.171.171
Doanh thu từ phí thường hoạt động	-	1.626.793.260
	<u>5.016.203.706</u>	<u>4.376.964.431</u>

(*) Doanh thu hoạt động quản lý đầu tư chứng khoán là khoản doanh thu liên quan đến phí quản lý danh mục đầu tư của 03 (ba) hợp đồng quản lý danh mục đầu tư giữa Công ty và ba khách hàng cá nhân (xem Thuyết minh số 11). Trong năm 2015, doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo tiến độ công việc thực hiện thay vì ghi nhận theo thời gian ủy thác theo Hợp đồng ủy thác danh mục đầu tư.

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí hoạt động quản lý đầu tư chứng khoán (*)	-	1.177.959.307
	<u>-</u>	<u>1.177.959.307</u>

Hợp đồng quản lý đầu tư giữa Công ty và Dan Bau LLC đã chấm dứt vào ngày 30 tháng 10 năm 2014 (sau 5 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lãi tiền gửi	14.826.382	249.168.023
Lãi từ hoạt động tự doanh	791.505.434	2.580.311.953
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.851.480.000	460.352.500
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	57.756
	<u>2.657.811.816</u>	<u>3.289.890.232</u>
18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	3.447.270.306	1.560.242.902
- Lỗ từ hoạt động tự doanh	3.301.213.772	1.284.670.470
- Phí giao dịch chứng khoán	146.056.534	275.572.432
Dự phòng giảm giá chứng khoán	869.492.720	458.374.425
	<u>4.316.763.026</u>	<u>2.018.617.327</u>
19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí lương nhân viên	2.081.428.000	2.058.312.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	883.825.716	893.460.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	116.779.438	158.537.257
Thuế, phí và lệ phí	5.000.000	3.000.000
Chi phí khác	260.919.532	464.150.885
	<u>3.347.952.686</u>	<u>3.577.461.115</u>
20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận trước thuế	9.299.810	892.816.914
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(1.851.480.000)	(460.352.500)
Thu nhập chịu thuế	(1.842.180.190)	432.464.414
Thuế suất thông thường	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	95.142.171
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải nộp thêm theo quyết toán thuế	1.267.567	18.470.253
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.267.567</u>	<u>113.612.424</u>

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm do không có thu nhập chịu thuế.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có các khoản lỗ tính thuế là 1.842.180.190 đồng có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại nào được ghi nhận cho khoản lỗ này vì Công ty không chắc chắn về khoản lợi nhuận trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được tạm tính trên cơ sở các số liệu sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Lợi nhuận sau thuế	8.032.243	779.204.490
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	8.032.243	779.204.490
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	2.500.000	2.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3	312

22. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty chỉ thực hiện quản lý danh mục đầu tư chứng khoán của 03 (ba) khách hàng cá nhân gồm Bà Đinh Thị Lê Sa (330 tỷ đồng), Bà Trịnh Thị Kiều Tiên (440 tỷ đồng) và Ông Võ Bá Huy (330 tỷ đồng). Ba hợp đồng này được ký kết vào ngày 24 tháng 9 năm 2014. Các khách hàng này đều đầu tư vào cổ phần của Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh như đã nêu ở Thuyết minh 11.

23. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	734.205.792	727.490.025

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Trong vòng một năm	726.071.808	714.045.566
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	1.573.155.584	119.007.594
	2.299.227.392	833.053.160

Các khoản cam kết thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Vincom Center, số 45A Lý Tự Trọng và số 72 Lê Thánh Tôn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh với thời hạn thuê là 36 tháng (từ ngày 01 tháng 3 năm 2013 đến ngày 29 tháng 02 năm 2016). Trong năm 2016, Công ty đã ký kết lại hợp đồng thuê văn phòng tại Tòa nhà Vincom Center với thời hạn thuê là 36 tháng (từ ngày 01 tháng 3 năm 2016 đến ngày 28 tháng 02 năm 2019).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2015	1/1/2015	31/12/2015	1/1/2015
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.255.706.351	13.488.005.881	9.255.706.351	13.488.005.881
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.984.783.145	9.963.270.483	11.656.916.000	9.504.896.058
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.347.000.000	688.880.000	1.347.000.000	688.880.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	2.177.225.000	(*)	(*)
	25.764.714.496	26.317.381.364		
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	-	63.200.000	-	63.200.000
Chi phí phải trả	24.200.000	19.800.000	24.200.000	19.800.000
	24.200.000	83.000.000	24.200.000	83.000.000

(*) Công ty không thể xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính dài hạn tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty không chịu nhiều rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Trong năm, Công ty không thực hiện các giao dịch có gốc ngoại tệ. Vì vậy, Công ty không chịu rủi ro tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất đối với Công ty bắt nguồn từ những thay đổi tiềm tàng trong giá trị của các tài sản và công nợ tài chính do biến động lãi suất thị trường. Tổng Giám đốc định kỳ rà soát rủi ro tiềm tàng của Công ty trong bối cảnh kinh tế và điều kiện kinh doanh hiện hành, tập trung vào rủi ro lãi suất và rủi ro thị trường. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro lãi suất do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Quản lý rủi ro về giá công cụ vốn

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ mục đích kinh doanh. Biến động giá thị trường ảnh hưởng đến giá trị hợp lý của danh mục đầu tư của Công ty cũng như lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư. Để phòng ngừa rủi ro về giá (giảm giá chứng khoán đầu tư), Công ty đã đa dạng hóa danh mục đầu tư, xây dựng hạn mức đầu tư. Ngoài ra, việc cơ cấu các khoản đầu tư cũng giúp cho Công ty phòng ngừa được rủi ro về giảm giá các khoản đầu tư trong điều kiện thị trường khó khăn như hiện nay. Công ty chưa thực hiện đánh giá độ nhạy rủi ro giá thị trường của cổ phiếu do chưa xây dựng được cơ sở dữ liệu đầu vào đáng tin cậy.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.255.706.351	-	9.255.706.351
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	12.984.783.145	-	12.984.783.145
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	1.347.000.000	-	1.347.000.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	-	2.177.225.000
	25.764.714.496	-	25.764.714.496
Chi phí phải trả	24.200.000	-	24.200.000
	24.200.000	-	24.200.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	25.740.514.496	-	25.740.514.496
Tại 01/01/2015			
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.488.005.881	-	13.488.005.881
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	9.963.270.483	-	9.963.270.483
Phải thu hoạt động nghiệp vụ	688.880.000	-	688.880.000
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	2.177.225.000	-	2.177.225.000
	26.317.381.364	-	26.317.381.364
Phải trả người bán	63.200.000	-	63.200.000
Chi phí phải trả	19.800.000	-	19.800.000
	83.000.000	-	83.000.000
Chênh lệch thanh khoản thuần	26.234.381.364	-	26.234.381.364

Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

25. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Ông Trần Văn Trọng	Cổ đông
Ông Võ Trọng Thủy	Cổ đông
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Cổ đông
Ông Võ Đình Ngọc	Cổ đông

Thu nhập Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Tiền lương	1.080.000.000	1.080.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ HÙNG VIỆT
L9-12A, Tầng 9, Tòa nhà Vincom Center, 45A Lý Tự Trọng
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

26. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày kết thúc niên độ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính.



Lê Thị Kim Hoàng
Kế toán trưởng
Người lập biểu
Ngày 26 tháng 02 năm 2016



Lê Anh Ngọc
Trưởng ban Kiểm soát nội bộ



Trần Văn Trọng
Tổng Giám đốc